TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HẢI CHÂU - TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 9 năm 2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - TP ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Công Tâm

Ông Huỳnh Thanh Trà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tường Vy- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, TP Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2022/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phan Thị Thúy N**, sinh năm 1984; Địa chỉ: 62 đường Trần Quý Hai, phường Hòa Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Lê Đình D**, sinh năm 1981; Địa chỉ: P509, tầng 5, Chung cư Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn – bà Phan Thị Thúy N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Lê Đình D xây dựng gia đình với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Khuê Trung,

quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống ở nhà cha mẹ chồng tại địa chỉ P509, tầng 5, Chung cư Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống nảy sinh nhiều mâu thuẫn đến tháng 5 năm 2021 tôi đã bỏ đi ra ngoài thuê nhà ở riêng và vợ chồng sống ly thân từ thời gian đó đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bản thân ông D ham chơi, sử dụng chất kích thích nên không lo làm ăn, một mình tôi phải gánh vác kinh tế trong gia đình. Tôi đã nhiều lần khuyên nhủ chồng tôi tu chí làm ăn để hàn gắn vợ chồng nhưng không được nên tôi làm đơn khởi kiện về việc "Ly hôn" đối với ông D. Nay tôi xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông D.

Về quan hệ con chung: Tôi xác định tôi và ông Lê Đình D có 02 con chung tên Lê Ngọc Trâm Anh, sinh ngày 18/4/2012 và Lê Ngọc Phú Khang, sinh ngày 11/9/2018. Hiện nay, 02 con chung do cả hai vợ chồng chúng tôi chia nhau chăm sóc. Nay ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Ngọc Phú Khang, sinh ngày 11/9/2018 và giao con chung Lê Ngọc Trâm Anh, sinh ngày 18/4/2012 cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu TP Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng pháp luật. Đối với bị đơn, kể từ thời điểm thụ lý đến thời điểm trước khi mở phiên tòa đã không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định pháp luật.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xử bà Phan Thị Thúy N được ly hôn với ông Lê Đình D; giao con chung tên Lê Ngọc Phú Khang, sinh ngày 11/9/2018 cho bà Phan Thị Thúy N trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Lê Ngọc Trâm Anh, sinh ngày 18/4/2012 cho ông Lê Đình D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, không bên nào cấp dưỡng

nuôi con cho bên nào; về tài sản chung, về nợ chung: không có nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chungkhi ly hôn" giữa nguyên đơn bà Phan Thị Thúy N đối với bị đơn ông Lê Đình D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố dụng dân sự.

Bị đơn là ông Lê Đình D đã được Tòa án thực hiện các thủ tục triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đến lần thứ hai vẫn không có mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 để xét xử vắng mặt đương sự nói trên.

[2] Về nội dung vụ án: Theo nguyên đơn trình bày thì bà Phan Thị Thúy N và ông Lê Đình D xây dựng gia đình với nhau vào năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống ở nhà cha mẹ ông D tại địa chỉ P509, tầng 5, Chung cư Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Trong cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bản thân ông D không lo làm ăn để san sẻ gánh nặng kinh tế gia đình nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ tháng 5/2021, bà N đã về nhà mẹ ruột sinh sống và ông bà sống ly thân từ đó đến nay. Nay bà N xác định tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thì thấy: Cuộc hôn nhân bà Phan Thị Thúy N và ông Lê Đình D là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Đến nay, bà N cho rằng mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không để kéo dài và không còn tình cảm với ông D nữa nên có quyền làm đơn khởi kiện xin ly hôn theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn, từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử ông Lê Đình D đều không có mặt theo triệu tập; thông báo của Toà án, không có ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai

chứng cứ, không tham gia các phiên hoà giải và cũng không tham gia phiên toà nên không có ý kiến lưu hồ sơ vụ án. Qua đó, thể hiện ông D đã không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này, không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Kết quả xác minh tại địa phương cho thấy, vợ chồng bà Hiền và ông Trung có xảy ra mâu thuẫn, cải vã, hiện nay ông bà không còn chung sống với nhau tại địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ông bà đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; có kéo dài cuộc hôn nhân này cũng không đem lại kết quả nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Phan Thị Thúy N là hợp tình hợp lý.

[4] Về quan hệ con chung: Bà Phan Thị Thúy N trình bày vợ chồng có 02 con chung tên Lê Ngọc Trâm Anh, sinh ngày 18/4/2012 và Lê Ngọc Phú Khang, sinh ngày 11/9/2018. Ly hôn, bà N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Ngọc Phú Khang, sinh ngày 11/9/2018 và giao con chung Lê Ngọc Trâm Anh, sinh ngày 18/4/2012 cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Ông Lê Đình D không tham gia tố tụng nên không có ý kiến về vấn đề này. Xét nguyện vọng của bà N thì thấy, ông bà hiện có 02 người con chung nên cần phân chia trách nhiệm nuôi dưỡng con để đảm bảo cuộc sống của con trẻ. Hiện nay các con chung đang ở tại nhà của ông D và được ông D bà N chia nhau chăm sóc, bà N trình bày cháu Trâm Anh là con gái rất thương ba đồng thời Tòa án tiến hành lấy lời khai của cháu Trâm Anh theo quy định pháp luật thì nguyện vọng của cháu là được ở cùng ba là ông Lê Đình D. Do vậy, nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Ngọc Phú Khang, sinh ngày 11/9/2018 và giao con chung Lê Ngọc Trâm Anh, sinh ngày 18/4/2012 cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào của bà N là phù hợp

[5] Về quan hệ tài sản chungBà Phan Thị Thúy N trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà Phan Thị Thúy N trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo luật định.

[7] Xét các đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn phù hợp và đúng quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 63, 147, 227, 228, 235, 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn " của bà Phan Thị Thúy N đối với ông Lê Đình D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Thúy N được ly hôn với ông Lê Đình Duy.

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 93/2010, quyển số 01/2010 ngày 27 tháng 7 năm 2010 của UBND phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng)

2. Về quan hệ con chung: Bà Phan Thị Thúy N và ông Lê Đình D có 02 con chung tên Lê Ngọc Trâm Anh, sinh ngày 18/4/2012 và Lê Ngọc Phú Khang, sinh ngày 11/9/2018.

Giao con chung Lê Ngọc Trâm Anh, sinh ngày 18/4/2012 cho ông Lê Đình D trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Lê Ngọc Phú Khang, sinh ngày 11/9/2018 cho bà Phan Thị Thúy N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi về mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phan Thị Thúy N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 0005858 ngày 13/6/2022.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Ngọc Hà